

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 56/2018/DS-ST

Ngày: 14-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phan Văn Tạo.

2/. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLST-DS ngày 28/6/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐXXST-DS ngày 07/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần NT, địa chỉ: TQK, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Chí L, địa chỉ: đường THĐ, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản uỷ quyền ngày 09/8/2018 - vắng mặt).

- Bị đơn:

1/. Ông Nguyễn Hoàng C, địa chỉ nơi cư trú: đường THĐ, khóm P, phường Q, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/. Bà Nguyễn Thị D, địa chỉ nơi cư trú: đường THĐ, khóm P, phường Q, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần NT (sau đây viết là Ngân hàng) thì:

Ngày 01/8/2006, ông Nguyễn Hoàng C có vay 40.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần NT - Chi nhánh Sóc Trăng theo Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV để sửa chữa nhà trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất trong hạn 1%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5%/tháng, nợ gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng. Vào ngày 02/8/2006, ông Chon đã rút vốn vay 40.000.000 đồng, nhưng chỉ trả được 22.923.000 đồng gốc, 11.394.603 đồng lãi trong hạn, 16.987 đồng lãi quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D trả số tiền còn nợ là 50.785.640 đồng, gồm 17.077.000 đồng gốc, 23.405.152 đồng lãi trong hạn, 10.303.488 đồng lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao có chứng thực Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV và Theo dõi thực hiện hợp đồng cùng ngày 01/8/2006; Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của tổ chức quản lý lao động hoặc tổ chức quản lý và chi trả thu nhập ngày 10/7/2006; Bản sao Giấy nhận nợ số 1461 ngày 02/8/2006.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006 và ông C, bà D có địa chỉ nơi cư trú tại đường THĐ, khóm P, phường Q, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông C, bà D theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín

dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006 và Giấy nhận nợ số 1461 ngày 02/8/2006. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do ông C, bà D không còn cư trú tại địa chỉ này, nhưng ông C, bà D không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông Trần Chí L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C, bà D, ông L.

[4] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4.1] Ông Nguyễn Hoàng C có vay không có tài sản bảo đảm của Ngân hàng Thương mại cổ phần NT - Chi nhánh Sóc Trăng 40.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006 để sửa chữa nhà trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất trong hạn 1%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5%/tháng, nợ gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng.

[4.2] Ông C đã nhận số tiền vay 40.000.000 đồng của Ngân hàng theo Giấy nhận nợ số 1461 ngày 02/8/2006, nhưng tính đến ngày 15/6/2009 chỉ trả được 22.923.000 đồng gốc, 11.394.603 đồng lãi trong hạn, 16.987 đồng lãi quá hạn; còn nợ tổng cộng 50.785.640 đồng, gồm 17.077.000 đồng gốc, 23.405.152 đồng lãi trong hạn, 10.303.488 đồng lãi quá hạn.

[5] Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ nên việc Ngân hàng yêu cầu ông C trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại các Điều 3, 5, 7, 8 của Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006; quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

[6] Hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006 chỉ thể hiện ông C là người vay 40.000.000 đồng của Ngân hàng, nhưng bà Nguyễn Thị D có ký, viết họ tên dưới mục “Đồng sở hữu” trong hợp đồng này và Giấy nhận nợ số 1461 ngày 02/8/2006; đồng thời, cả hai tài liệu này đều thể hiện mục đích vay tiền là sửa chữa nhà.

[7] Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

[8] Và theo khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật này thì vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và có nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ đã thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu này.

[9] Do ông Nguyễn Hoàng C vay số tiền trên để sửa chữa nhà, là nhu cầu thiết yếu của gia đình theo khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên việc Ngân hàng yêu cầu ông C và bà D có trách nhiệm trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006 là có căn cứ.

[10] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D phải chịu là 2.539.282 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần NT:

1/. Buộc ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NT số tiền 50.785.640 đồng (gồm 17.077.000 đồng gốc, 23.405.152 đồng lãi trong hạn, 10.303.488 đồng lãi quá hạn) còn nợ theo hợp đồng tín dụng đồng Việt Nam số 794/NHNT-CBCNV ngày 01/8/2006.

Kể từ ngày 15/9/2018, ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NT cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần NT.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng C, bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.539.282 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần NT không phải chịu, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.241.000 đồng theo biên lai số 0001863 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương